

Bản án số: 105/2023/DS-PT

Ngày: 01 - 3 - 2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình;

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Duy Phương;

2. Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Huê - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 385/2022/TLPT-DS, ngày 05/12/2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 02/6/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo và kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐ-PT, ngày 03/02/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Tuệ M, sinh năm: 1988 (Văn bản ủy quyền ngày 12/12/2022); địa chỉ: Xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Thạch T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Thanh S - Luật sư Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố M, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trần Văn H.

5. *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn H và người đại diện theo ủy quyền là bà Võ Thị Tuệ M trình bày có nội dung như sau:*

Thông qua bà Trần Thị N (là người môi giới bất động sản), ông Trần Văn H và ông Đặng Thạch T đã thỏa thuận và ký Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, ngày 27/02/2022, với nội dung: Ông T chuyển nhượng cho ông H diện tích đất là 4.500m², thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số 15 tại xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, với giá 1.560.000.000 đồng; ông H đặt cọc cho ông T số tiền 50.000.000 đồng, bà N là người nhận tiền và đưa lại cho ông T; thời hạn đặt cọc là 30 ngày và các bên đến văn phòng công chứng ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đến ngày 27/3/2022, ông H yêu cầu ông T tiến hành công chứng hợp đồng chuyển nhượng đất theo thỏa thuận nhưng ông T không thực hiện và không chuyển nhượng đất cho ông H nữa. Như vậy ông T đã vi phạm thỏa thuận của hợp đồng đặt cọc nên ông H khởi kiện đề nghị Tòa án hủy hợp đồng đặt cọc, buộc ông T phải trả cho ông T 50.000.000 đồng tiền cọc và phải chịu phạt cọc là 50.000.000 đồng.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Thạch T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày có nội dung như sau:*

Ông Đặng Thạch T thừa nhận giữa ông T và ông Trần Văn H có thỏa thuận ký kết hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất như nội dung ông H đã trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, do ngày 27/3/2022 là ngày chủ nhật nên văn phòng công chứng không làm việc, nên ông T, ông H và bà N đã gặp nhau tại quán cà phê, bàn bạc việc chuyển nhượng đất sẽ được thực hiện vào ngày 28/3/2022. Qua bàn bạc, ông T yêu cầu ông H trả cho ông T 1.200.000.000 đồng khi ký kết hợp đồng công chứng, thì ông H chỉ đồng ý thanh toán trước số tiền 1.000.000.000 đồng, do hai bên không thỏa thuận được nên ông H bỏ về. Ngày 28/3/2022, ông T gọi điện thoại cho ông H để đi công chứng hợp đồng chuyển nhượng đất nhưng ông H không trả lời, không thực hiện thỏa thuận mà ông H lại làm đơn tố cáo ông T và bà N về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do ông H không thực hiện hợp đồng như đã thỏa thuận và là người vi phạm hợp đồng đặt cọc, nên ông T không chấp nhận yêu cầu của ông H về việc trả lại tiền cọc và phạt cọc. Ông T đồng ý hủy hợp đồng đặt cọc giữa hai bên.

**/ Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị N trình bày có nội dung như sau:*

Bà Trần Thị N là người môi giới chuyển nhượng đất và thỏa thuận đặt cọc giữa ông Đặng Thạch T và ông Trần Văn H. Bà N đã nhận 50.000.000 đồng tiền đặt cọc từ ông H và đã giao lại cho ông T. Do ngày 27/3/2022 là ngày chủ nhật nên các bên đã gặp nhau tại quán cà phê, bàn bạc việc chuyển nhượng đất sẽ được thực hiện vào ngày 28/3/2022. Tại đây, ông T yêu cầu ông H trả cho ông T 1.200.000.000 đồng khi ký kết hợp đồng công chứng thì ông H chỉ đồng ý thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng, do hai bên không thỏa thuận được nên ông H bỏ về. Bà N và ông T đã liên lạc với ông H để cùng đi công chứng nhưng ông H

không nghe điện thoại và có những tin nhắn không hợp tác để giải quyết. Sau đó ông H làm đơn tố cáo gửi đến cơ quan của ông T và bà N, làm mất uy tín của ông T và bà N. Việc ông H khởi kiện thì bà N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, khoản 2 Điều 147, khoản 5 và khoản 6 Điều 148, khoản 2 Điều 328, khoản 1 Điều 423 Bộ luật dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 26 và khoản 4 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Hủy hợp đồng đặt cọc, được ký kết vào ngày 27/02/2022 giữa ông Trần Văn H với ông Đặng Thạch T.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện trả lại số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng và số tiền phạt cọc 50.000.000 đồng, tổng cộng 100.000.000 đồng của nguyên đơn ông Trần Văn H đối với bị đơn ông Đặng Thạch T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo, cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/6/2022, bị đơn ông Trần Văn H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Bản án sơ thẩm cho rằng ông H vi phạm hợp đồng đặt cọc là đánh giá chứng cứ không khách quan và không đúng, theo diễn biến sự việc thì ông T là người vi phạm hợp đồng đặt cọc; đề nghị cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận đơn khởi kiện và buộc ông T phải trả cho ông H số tiền nhận đặt cọc là 50.000.000 đồng và phạt cọc 50.000.000 đồng.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 12/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã kháng nghị Bản án sơ thẩm, với nội dung: Bản án sơ thẩm nhận định và cho rằng lỗi vi phạm hợp đồng đặt cọc thuộc về ông Trần Văn H không thực hiện đúng thời hạn theo như hợp đồng, để tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là không có căn cứ, không phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày ý kiến cho rằng: Ông T là người vi phạm thỏa thuận đặt cọc; đồng thời chưa hết thời hạn theo hợp đồng, thì ngày 28/3/2022 ông T đã chuyển nhượng đất cho người khác, nên ông T

đã vi phạm hợp đồng đặt cọc; do đó đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả cho ông H số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng và phải chịu phạt cọc.

Đối với bị đơn ông Đặng Thạch T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày ý kiến cho rằng: Khi hai bên gặp nhau ngày 27/3/2022 thì đã thỏa thuận ngày 28/3/2022 sẽ công chứng hợp đồng chuyển nhượng nhưng do không thống nhất được số tiền thanh toán khi ký hợp đồng nên ông H đã bỏ về và không hợp tác, sau đó lại làm đơn tố cáo ông T lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Như vậy ông H là người vi phạm hợp đồng, nên ông T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 12/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ và trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thì thấy: Hợp đồng đặt cọc giữa hai bên là để ký kết và tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Theo như nội dung tin nhắn liên lạc giữa bà Trần Thị N với ông Trần Văn H, thì ông H đồng ý thanh toán số tiền theo yêu cầu của ông T và hẹn ngày 28/3/2022 sẽ công chứng hợp đồng, nhưng bà N thông báo là chủ đất không bán nữa; đồng thời cũng trong ngày 28/3/2022, ông T đã chuyển nhượng diện tích đất này cho bà Phạm Thị Thanh H, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được Văn phòng công chứng Buôn Hồ chứng thực ngày 28/3/2022, tức là chưa hết thời hạn đặt cọc nhưng ông T đã chuyển nhượng đất cho người khác. Như vậy, việc không thực hiện được thỏa thuận chuyển nhượng đất là do lỗi của ông T, nên yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk; sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Văn H, buộc ông Đặng Thạch T phải trả cho ông Trần Văn H số tiền nhận đặt cọc là 50.000.000 đồng và phải chịu phạt cọc là 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Theo Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 27/02/2022, thì ông Trần Văn H đặt cọc cho ông

Đặng Thạch T số tiền 50.000.000 đồng, để hai bên ký kết và tiến hành các thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 178, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.505m² tại xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; giá chuyển nhượng là 1.560.000.000 đồng; thời hạn đặt cọc là 30 ngày, kể từ ngày 27/02/2022 đến ngày 27/03/2022, thì các bên sẽ cùng thực hiện thủ tục công chứng chuyển nhượng và sau khi hai bên hoàn tất thủ tục công chứng, thì ông H có trách nhiệm giao đủ số tiền còn lại là 1.510.000.000 đồng cho ông T.

[2] Như vậy, Hợp đồng đặt cọc ngày 27/02/2022, giữa ông Trần Văn H với ông Đặng Thạch T, mục đích là để đảm bảo cho việc giao kết và thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hình thức và nội dung của hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 và Điều 328 của Bộ luật dân sự, nên hợp đồng đặt cọc có hiệu lực pháp luật.

[3] Theo hợp đồng đặt cọc, các bên đương sự thỏa thuận thời hạn đặt cọc là 30 ngày (từ ngày 27/02/2022 đến ngày 27/3/2022) các bên phải làm thủ tục công chứng, chuyển nhượng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhưng do ngày 27/3/2022 là ngày nghỉ cuối tuần (ngày Chủ nhật), nên thời hạn được thực hiện theo quy định tại Bộ luật dân sự.

Tại khoản 5 và khoản 6 Điều 148 của Bộ luật dân sự, quy định về kết thúc thời hạn như sau:

“5. Khi ngày cuối cùng của thời hạn là nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó.

6. Thời điểm kết thúc cuối cùng của thời hạn vào lúc hai mươi tư giờ của ngày đó”.

Như vậy, theo quy định trên thì ngày tiếp theo (ngày 28/3/2022) là ngày kết thúc để thực hiện thỏa thuận đặt cọc và ngày 27/3/2022 hai bên đã gặp nhau, thống nhất việc công chứng chuyển nhượng đất sẽ thực hiện vào ngày 28/3/2022. Tuy nhiên, chưa hết ngày 28/3/2022 thì bên chuyển nhượng là ông T đã chuyển nhượng thửa đất số 178, tờ bản đồ số 15 cho bà Phạm Thị Thanh H, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và bà H được công chứng tại Văn phòng công chứng Buôn Hồ, theo số công chứng 5945, ngày 28/3/2022; cùng ngày 28/3/2022, ông T đã nộp hồ sơ đăng ký chuyển nhượng tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Buôn Hồ. Đồng thời, theo tin nhắn liên lạc giữa ông H và bà Trần Thị N (người môi giới bán đất) ngày 27/3/2022 thể hiện nội dung ông H đồng ý thanh toán trước cho ông T 1.200.000.000 đồng khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng và theo nội dung tin nhắn giữa ông H và ông T ngày 28/3/2022, thể hiện nội dung ông T không đủ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đồng ý trả lại tiền cọc 50.000.000 đồng và phạt cọc 50.000.000 đồng.

[4] Như vậy, chưa hết thời hạn đặt cọc, ông T đã chuyển nhượng thửa đất 178, tờ bản đồ số 15 cho bên thứ ba bà Phạm Thị Thanh H mà không phải chuyển nhượng cho ông H, là đã vi phạm thỏa thuận đặt cọc. Lý do hai bên không thực hiện được việc ký kết hợp đồng để tiến hành thủ tục chuyển nhượng đất là hoàn toàn do lỗi của ông T đã vi phạm hợp đồng đặt cọc, từ chối việc ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên ông T phải chịu hậu quả

pháp lý theo quy định Điều 328 Bộ luật dân sự và thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc. Việc ông T cho rằng ông H vi phạm cam kết khi không đồng ý thanh toán trước 1.200.000.000 đồng, không đồng ý nhận chuyển nhượng nữa và lại có đơn tố cáo nên là người vi phạm hợp đồng, nhưng ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh và không phù hợp với chứng cứ do đương sự cung cấp (tin nhắn giữa ông H và bà N) và tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được, nên trình bày của ông T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H về yêu cầu trả lại tiền đặt cọc và tiền phạt cọc, là chưa đánh giá toàn diện chứng cứ và do có phát sinh tình tiết mới là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và bà H ngày 28/3/2022. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, là có cơ sở chấp nhận và cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đặng Thạch T phải trả cho ông Trần Văn H số tiền nhận đặt cọc là 50.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 50.000.000 đồng, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí:

[6.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên án phí được tính lại, cụ thể bị đơn ông Đặng Thạch T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng.

Nguyên đơn ông Trần Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0018125, ngày 01/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

[6.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo và sửa án sơ thẩm nên ông Trần Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0018223, ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn H; Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 12/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: Điều 328 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H.

1. Buộc ông Đặng Thạch T phải trả cho ông Trần Văn H số tiền đã nhận đặt cọc là 50.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Đặng Thạch T phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Nguyên đơn ông Trần Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0018125, ngày 01/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0018223, ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TX. Buôn Hồ;
- Chi cục THADS TX. B;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình